

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2020.
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Phan Công K, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp NN, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2020 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Trần Thị Kim H trình bày:

Bà H xây dựng gia đình với ông Phan Công K vào cuối năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H và ông K bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, và cũng thường xuyên xảy ra xô sát, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Bà H và ông K cố gắng khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà H và ông K ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không quan T gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Phan Công K.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Phan Trần Thuận T, sinh ngày 05/6/1998. Hiện cháu T đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phan Công K trình bày:

Ông K xây dựng gia đình với bà Trần Thị Kim H vào cuối năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K và bà H bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, và cũng thường xuyên xảy ra xô sát, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Ông K và bà H cố gắng khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Ông K và bà H ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không quan T gì đến nhau.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà H thì ông K đồng ý ly hôn, để mỗi người được ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông K và bà H có 01 con chung tên Phan Trần Thuận T, sinh ngày 05/6/1998. Hiện cháu T đã trưởng thành nên ông K không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Kim H yêu cầu ly hôn với ông Phan Công K, đây là quan hệ pháp luật ly hôn nhưng tại thông báo thụ lý số 33/TB – TLVA ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện XM, xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu tuyên bố không phải quan hệ vợ chồng” là chưa chính xác, nay xác định lại quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phan Công K có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Phan Công K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Xác nhận của UBND xã HH, huyện XM cho thấy sổ đăng ký kết hôn từ năm 1998 trở về trước không còn lưu trữ tại địa phương, nên UBND xã HH không nhận được bà Trần Thị Kim H có đăng ký kết hôn tại địa phương hay không, qua lời trình bày của bà H và ông K đều thống nhất là không có đăng ký kết hôn do đó việc bà Trần Thị Kim H và ông Phan Công K có chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng chưa đăng ký kết hôn là có cơ sở. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông K đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặc khác, bà H và ông K là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*” như vậy hôn nhân của bà H và ông K không được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà H và ông K không đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông K theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Phan Trần Thuận T, sinh ngày 05/6/1998. Hiện cháu T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim H đối với ông Phan Công K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim H đối với ông Phan Công K.

2. Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Phan Trần Thuận T, sinh ngày 05/6/1998. Hiện cháu T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003845 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo